



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2018

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy Chứng nhận</b>	0403000380	ngày 25 tháng 01 năm 2006
<b>Đăng ký Kinh doanh số</b>	0800296853	ngày 10 tháng 05 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0800296853 ngày 10 tháng 05 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Văn Thủy	Chủ tịch (từ ngày 12 tháng 5 năm 2018)
	Ông Phạm Kim Lâm	Chủ tịch (đến ngày 12 tháng 5 năm 2018)
	Ông Phạm Văn Thư	Thành viên
	Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
	Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên (từ ngày 12 tháng 5 năm 2018)
	Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên (đến ngày 12 tháng 5 năm 2018)

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Phạm Văn Thư	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Thủy	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 12 tháng 5 năm 2018)
	Ông Nguyễn Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

<b>Trụ sở đăng ký</b>	Phường Phả Lại Thị xã Chí Linh Tỉnh Hải Dương Việt Nam
-----------------------	---

<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Tỉnh Hải Dương, ngày 13 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra kết luận soát xét ngoại trừ nhưng lưu ý tới Thuyết minh 3(h) trong báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty trích trước và ghi nhận chi phí phát sinh cho các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho các công ty thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”). Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa lớn được trích trước vào giá vốn hàng bán trong kỳ và chi phí phải trả ngắn hạn dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm được Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí cho các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được ghi nhận trên tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán. Hướng dẫn nêu trên của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so quy định Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó gồm điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa lớn tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được trình bày tại Thuyết minh 3(h) của báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam  
Báo cáo soát xét số: 18-01-353-HY



Hà Văn Định  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0414-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2018

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>4.160.262.008.310</b>	<b>3.585.591.829.936</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>261.021.200.094</b>	<b>208.919.479.866</b>
Tiền	111		61.021.200.094	32.919.479.866
Các khoản tương đương tiền	112		200.000.000.000	176.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>700.000.000.000</b>	<b>550.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	700.000.000.000	550.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.630.188.826.637</b>	<b>2.259.537.240.122</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.915.799.775.279	1.322.020.384.792
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.986.409.597	443.066.799
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8(a)	723.166.866.953	950.303.600.712
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.129.828.033	664.241.044
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(13.894.053.225)	(13.894.053.225)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10(a)</b>	<b>568.980.582.931</b>	<b>551.615.005.970</b>
Hàng tồn kho	141		669.281.297.223	651.563.450.850
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(100.300.714.292)	(99.948.444.880)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>71.398.648</b>	<b>15.520.103.978</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		71.398.648	58.498.624
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	153	15(b)	-	15.461.605.354

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b>				
<b>(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>3.770.453.909.039</b>	<b>3.962.855.263.587</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>727.500.000.000</b>	<b>933.166.866.953</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8(b)	727.500.000.000	933.166.866.953
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>285.020.019.297</b>	<b>302.689.389.707</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	285.020.019.297	302.550.669.915
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>13.388.310.546.674</i>	<i>13.392.457.591.910</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(13.103.290.527.377)</i>	<i>(13.089.906.921.995)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	138.719.792
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>58.730.276.512</i>	<i>58.730.276.512</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(58.730.276.512)</i>	<i>(58.591.556.720)</i>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>216.328.333.455</b>	<b>384.664.348.918</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	216.328.333.455	384.664.348.918
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6(b)</b>	<b>2.474.291.479.510</b>	<b>2.269.401.556.350</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.451.055.770.150	1.451.055.770.150
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.084.843.117.400	1.084.843.117.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(61.607.408.040)	(266.497.331.200)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>67.314.076.777</b>	<b>72.933.101.659</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.271.297.020	1.504.309.693
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10(b)	66.042.779.757	71.428.791.966
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>7.930.715.917.349</b>	<b>7.548.447.093.523</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>2.206.932.673.999</b>	<b>2.071.503.115.178</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.685.357.673.999</b>	<b>1.564.978.115.178</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	474.927.363.937	579.481.217.926
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		262.287.753	252.287.753
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15(a)	192.929.157.526	48.334.585.383
Phải trả người lao động	314		34.906.477.697	61.383.091.780
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	456.582.315.741	383.689.397.295
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	6.683.687.353	3.080.781.208
Vay ngắn hạn	320	18(a)	456.778.567.127	443.598.262.405
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	62.287.816.865	45.158.491.428
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>521.575.000.000</b>	<b>506.525.000.000</b>
Vay dài hạn	338	18(b)	521.575.000.000	506.525.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>5.723.783.243.350</b>	<b>5.476.943.978.345</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>5.723.783.243.350</b>	<b>5.476.943.978.345</b>
Vốn cổ phần	411	21	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		11.692.500.615	11.692.500.615
Vốn khác của chủ sở hữu	414		171.214.559.929	171.214.559.929
Cổ phiếu quỹ	415		(87.388.368.719)	(87.388.368.719)
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	729.473.286.448	539.635.616.751
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.636.441.265.077	1.579.439.669.769
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		921.090.945.689	1.110.176.834.751
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		715.350.319.388	469.262.835.018
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>7.930.715.917.349</b>	<b>7.548.447.093.523</b>

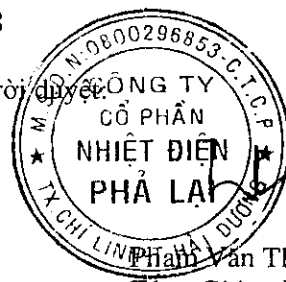
Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn  
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**Mẫu B 02a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>4.016.607.138.279</b>	<b>3.157.880.422.266</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>3.403.761.203.811</b>	<b>2.654.450.530.142</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>612.845.934.468</b>	<b>503.429.892.124</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	138.053.368.216	241.557.141.524
Chi phí tài chính	22	28	(163.042.030.819)	8.777.614.982
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.596.021.629	48.601.238.003
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	36.403.341.991	39.497.600.978
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}</b>	<b>30</b>		<b>877.537.991.512</b>	<b>696.711.817.688</b>
Thu nhập khác	31		3.472.971.670	7.389.281.135
Chi phí khác	32		(32.711.991)	1.034.511.923
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>3.505.683.661</b>	<b>6.354.769.212</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>881.043.675.173</b>	<b>703.066.586.900</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>31</b>	<b>165.693.355.785</b>	<b>109.578.485.244</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>31</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>715.350.319.388</b>	<b>593.488.101.656</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.231	1.865

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn  
 Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>881.043.675.173</b>	<b>703.066.586.900</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	17.085.541.779	18.575.306.560
Các khoản dự phòng	03	(202.400.222.995)	(193.978.119.208)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	28.230.304.722	53.910.579.998
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(138.610.796.172)	(239.347.618.218)
Chi phí lãi vay	06	13.596.021.629	48.601.238.003
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>598.944.524.136</b>	<b>390.827.974.035</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(548.633.393.383)	(906.093.695.307)
Biến động hàng tồn kho	10	(14.469.264.917)	(236.461.206.162)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	115.012.592.780	227.013.414.971
Biến động chi phí trả trước	12	220.112.649	440.045.508
		<b>151.074.571.265</b>	<b>(524.273.466.955)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(14.481.782.628)	(66.619.210.476)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(19.294.834.885)	(57.410.366.649)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(34.584.758.746)	(39.078.366.975)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>82.713.195.006</b>	<b>(687.381.411.055)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(3.543.818.981)	(23.183.923.584)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	2.304.656.587	-
Tiền chi cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn	23	(700.000.000.000)	(250.000.000.000)
Tiền thu hồi từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	24	982.803.600.712	1.627.500.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	60.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	104.360.046.679	201.638.201.552
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>385.924.484.997</b>	<b>1.615.954.277.968</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	-	1.300.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(2.110.700.855.334)
Tiền trả cổ tức	36	(416.535.959.775)	(635.907.686.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(416.535.959.775)</b>	<b>(1.446.608.542.134)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> <b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>52.101.720.228</b>	<b>(518.035.675.221)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>208.919.479.866</b>	<b>777.870.748.740</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b> <b>(70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>261.021.200.094</b>	<b>259.835.073.519</b>

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập:



**Đinh Thị Diễm Quỳnh**  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



**Lê Thế Sơn**  
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Phả Lại thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) từ ngày 25 tháng 1 năm 2006. Khoản vốn góp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam vào Công ty đã được bàn giao cho Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên vào ngày 26 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định số 3024/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công Thương về việc thành lập Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện).

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 1 công ty liên kết (1/1/2018: 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 1.181 nhân viên (1/1/2018: 1.210 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho các công ty thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (“Chế độ Kế toán EVN”). Những khác biệt giữa Chế độ kế toán EVN so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam trình bày trong các Thuyết minh 3(a) và 3(h).

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(a) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyên khoản và bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty áp dụng chính sách kế toán liên quan đến chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 8 năm 2014 (“Nghị định 82”) và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 3003/BTC/TCĐN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (“Công văn 3003”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 2239/VPCP-KTTH ngày 4 tháng 4 năm 2016 (“Công văn 2239”).

**(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia**

Theo hướng dẫn của Nghị định 82, các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá năm năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại theo nguyên tắc: số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ phải đảm bảo không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không). Hướng dẫn của Nghị định 82 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư 200 mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Nghị định 82 trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 là không trọng yếu.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ**

Theo hướng dẫn của Công văn 3003, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của các công ty cổ phần phát điện do các Tổng Công ty Phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam chiếm cổ phần chi phối được phép ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và được phân bổ vào chi phí năm 2015 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2016 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá năm năm. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ từ năm 2016 trở đi áp dụng theo quy định chung của Thông tư 200.

Việc áp dụng Công văn 3003 không có ảnh hưởng trọng yếu lên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính giữa niên độ này, khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị thị trường của khoản đầu tư thấp hơn giá trị còn lại của khoản đầu tư này. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dịch vụ dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng hoàn thành trong kỳ nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	10 năm
▪ phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 10 năm

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**Sửa chữa lớn tài sản cố định**

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CKKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho các công ty thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”), chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với tài khoản “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó gồm điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa lớn tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chi phí phát sinh và số dư của các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định theo VAS 18 thì giá vốn hàng bán sẽ giảm 236.970.086.945 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế sẽ tăng lần lượt là 47.394.017.389 VND và 189.576.069.556 VND cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: giá vốn hàng bán giảm 192.009.686.719 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế sẽ tăng lần lượt là 28.801.453.008 VND và 163.208.233.711 VND), các tài khoản “Thuế phải nộp nhà nước”, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán sẽ tăng lần lượt là 47.394.017.389 VND và 189.576.069.556 VND, và các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán sẽ giảm lần lượt là 198.664.794.865 VND và 435.634.881.810 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả” giảm cùng một khoản là 368.268.882.010 VND).

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(j) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa thu từ phát hành và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích Báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	5.555.563	11.555
Tiền gửi ngân hàng	61.015.644.531	32.919.468.311
Các khoản tương đương tiền (*)	200.000.000.000	176.000.000.000
	261.021.200.094	208.919.479.866

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất là 5,5% một năm (1/1/2018: 5,5% một năm).

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	700.000.000.000	550.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo. Các khoản đầu tư này hưởng lãi suất từ 6,7% đến 7,0% một năm (1/1/2018: 6,5% đến 7,0% một năm).

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ (Thành phố)	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	30/6/2018		
					Giá gốc VND	Dự phòng VND	
<i>Công ty liên kết</i>							
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	129.850.000	25,97%	25,97%	1.451.055.770.150	-	(*)
<i>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</i>							
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh	73.587.291	16,35%	16,35%	817.295.117.400	(10.778.408.040)	806.516.709.360
• Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Đà Nẵng	7.080.000	19,30%	19,30%	70.800.000.000	(12.036.000.000)	58.764.000.000
• Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Buôn Mê Thuột	5.025.000	15,00%	15,00%	50.250.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	Hà Nội	10.876.594	10,61%	10,61%	100.000.000.000	-	164.236.569.400
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Vũng Tàu	670.000	1,00%	1,00%	46.498.000.000	(38.793.000.000)	7.705.000.000
					1.084.843.117.400	(61.607.408.040)	
					2.535.898.887.550	(61.607.408.040)	



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		1/1/2018						
		Địa chỉ (Thành phố)	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Công ty liên kết</i>								
•	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	(i) Hải Phòng	129.850.000	25,97%	25,97%	1.451.055.770.150	-	(*)
<i>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</i>								
•	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh	73.587.291	16,35%	16,35%	817.295.117.400	(213.879.331.200)	603.415.786.200
•	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Đà Nẵng	7.080.000	19,30%	19,30%	70.800.000.000	(14.160.000.000)	56.640.000.000
•	Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Buôn Mê Thuột	5.025.000	15,00%	15,00%	50.250.000.000	-	(*)
•	Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	Hà Nội	10.876.594	10,61%	10,61%	100.000.000.000	-	160.973.591.200
•	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Vũng Tàu	670.000	1,00%	1,00%	46.498.000.000	(38.458.000.000)	8.040.000.000
						1.084.843.117.400	(266.497.331.200)	
						2.535.898.887.550	(266.497.331.200)	

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; khai thác khoáng sản; bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo công trình nhiệt điện; dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện và đào tạo, dạy nghề quản lý thiết bị vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	266.497.331.200	358.492.699.838
Trích lập dự phòng trong kỳ	335.000.000	21.068.000.000
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(205.224.923.160)	(215.333.686.408)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	61.607.408.040	164.227.013.430

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.827.852.350.437	1.269.243.237.201
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (*)	17.373.269.593	17.373.269.593
Dự thu lãi tiền gửi và đầu tư (**)	66.249.932.648	32.556.611.111
Các khách hàng khác	4.324.222.601	2.847.266.887
	1.915.799.775.279	1.322.020.384.792

(\*) Khoản phải thu này liên quan đến khoản vốn ủy thác đầu tư và lãi từ khoản vốn ủy thác đầu tư của Công ty tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt theo hợp đồng Ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVPMC-UTĐT/PLPC ngày 18 tháng 9 năm 2007 và các biên bản và phụ lục hợp đồng từ năm 2007 đến năm 2014. Khoản đầu tư này đã được lập dự phòng như được trình bày tại Thuyết minh 9.

(\*\*) Khoản phải thu này liên quan đến dự thu lãi tiền gửi và đầu tư được ghi nhận theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho các đơn vị thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015. Theo đó khoản dự thu lãi tiền gửi và đầu tư được ghi nhận vào tài khoản phải thu của khách hàng.

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty liên quan</b>		
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.827.852.350.437	1.269.243.237.201

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu về cho vay**

**(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2018 Giá trị ghi sổ VND
		Tăng VND	Thu hồi VND	
Các khoản cho vay ngắn hạn	175.500.000.000	-	(175.500.000.000)	-
Các khoản cho vay dài hạn đến hạn phải thu	774.803.600.712	205.666.866.953	(257.303.600.712)	723.166.866.953
	<u>950.303.600.712</u>	<u>205.666.866.953</u>	<u>(432.803.600.712)</u>	<u>723.166.866.953</u>

**(b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Các khoản cho vay dài hạn	1.450.666.866.953	1.707.970.467.665
Khoản đến hạn thu hồi trong vòng 12 tháng	(723.166.866.953)	(774.803.600.712)
	<u>727.500.000.000</u>	<u>933.166.866.953</u>

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản cho vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
VND	7,03%	2018 - 2019	188.166.866.953	427.970.467.665
VND	9,53%	2018 - 2025	262.500.000.000	280.000.000.000
VND	8,03%	2018 - 2019	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
			<b>1.450.666.866.953</b>	<b>1.707.970.467.665</b>

- Các khoản cho vay phải thu từ Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên, công ty mẹ (\*)
- Khoản cho vay phải thu từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất (\*\*)
- Khoản ủy thác quản lý vốn từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất (\*\*)

(\*) Các khoản phải thu về cho vay dài hạn từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên (“Genco 2”), công ty mẹ, theo hợp đồng huy động vốn số 01-2015/HĐHĐV/PHALAI-EVNGENCO 2 ngày 19 tháng 5 năm 2015. Các khoản phải thu về cho vay này được bảo lãnh bằng cô phần của Công ty sở hữu bởi Genco 2 có mệnh giá 1.664 tỷ VND (1/1/2018: 1.664 tỷ VND).

(\*\*) Các khoản phải thu về cho vay dài hạn này không có đảm bảo.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**9. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/6/2018			1/1/2018				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	trên 2 năm	17.373.269.593	(13.067.680.072)	4.305.589.521	trên 2 năm	17.373.269.593	(13.067.680.072)	4.305.589.521
Các khoản khác	trên 2 năm	826.373.153	(826.373.153)	-	trên 2 năm	826.373.153	(826.373.153)	-
		<u>18.199.642.746</u>	<u>(13.894.053.225)</u>	<u>4.305.589.521</u>		<u>18.199.642.746</u>	<u>(13.894.053.225)</u>	<u>4.305.589.521</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn	(13.894.053.225)
--------------------------------------	------------------

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	13.894.053.225	10.734.546.565
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	287.567.200
Số dư cuối kỳ	13.894.053.225	11.022.113.765

## 10. Hàng tồn kho

### (a) Hàng tồn kho

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Vật tư và nhiên liệu	666.079.360.924	(98.412.382.949)	648.059.812.571	(97.932.169.517)
Công cụ và dụng cụ	3.181.841.994	(1.888.331.343)	3.485.043.974	(2.016.275.363)
Dịch vụ dở dang	20.094.305	-	18.594.305	-
	669.281.297.223	(100.300.714.292)	651.563.450.850	(99.948.444.880)

### (b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ và dụng cụ	241.538.314.814	(175.495.535.057)	244.786.896.270	(173.358.104.304)

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho, ngắn hạn và dài hạn, như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	273.306.549.184	173.554.934.148
Trích lập dự phòng trong kỳ	2.489.700.165	-
Số dư cuối kỳ	275.796.249.349	173.554.934.148

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.708.306.051.533	11.564.875.513.749	76.071.350.293	40.506.173.595	2.698.502.740	13.392.457.591.910
Tăng trong kỳ	-	1.163.400.000	-	-	-	1.163.400.000
Thanh lý	(3.314.046.836)	-	-	-	-	(3.314.046.836)
Xoá số	-	(1.836.378.400)	(160.020.000)	-	-	(1.996.398.400)
Số dư cuối kỳ	1.704.992.004.697	11.564.202.535.349	75.911.330.293	40.506.173.595	2.698.502.740	13.388.310.546.674
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	1.438.048.200.708	11.541.969.385.727	67.778.258.933	39.535.032.066	2.576.044.561	13.089.906.921.995
Khấu hao trong kỳ	12.556.505.719	3.104.332.742	1.071.774.392	196.542.470	17.666.664	16.946.821.987
Thanh lý	(1.566.818.205)	-	-	-	-	(1.566.818.205)
Xoá số	-	(1.836.378.400)	(160.020.000)	-	-	(1.996.398.400)
Số dư cuối kỳ	1.449.037.888.222	11.543.237.340.069	68.690.013.325	39.731.574.536	2.593.711.225	13.103.290.527.377
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	270.257.850.825	22.906.128.022	8.293.091.360	971.141.529	122.458.179	302.550.669.915
Số dư cuối kỳ	255.954.116.475	20.965.195.280	7.221.316.968	774.599.059	104.791.515	285.020.019.297

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 16.947 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 12.589 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	57.414.901.632	1.315.374.880	58.730.276.512
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	57.414.901.632	1.176.655.088	58.591.556.720
Khấu hao trong kỳ	-	138.719.792	138.719.792
Số dư cuối kỳ	57.414.901.632	1.315.374.880	58.730.276.512
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	-	138.719.792	138.719.792
Số dư cuối kỳ	-	-	-

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản cố nguyên giá 58,7 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 57,7 tỷ VND).

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	384.664.348.918	380.035.835.353
Tăng trong kỳ	2.380.418.981	19.020.881.338
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(5.440.000.000)
Quyết toán công trình sửa chữa lớn tài sản cố định	(170.716.434.444)	(108.140.465.829)
Giảm khác	-	(2.056.563.573)
	216.328.333.455	283.419.687.289

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Sửa chữa lớn tài sản cố định (Thuyết minh 3(h))	198.664.794.865	368.268.882.010
Các công trình khác	17.663.538.590	16.395.466.908
	216.328.333.455	384.664.348.918

#### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b> <b>30/6/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam	267.537.701.749	239.451.805.746
Tổng công ty Đông Bắc – Bộ Quốc Phòng	155.433.675.225	134.443.278.468
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	23.294.614.230	87.476.812.224
Viện Nghiên cứu Cơ khí	11.708.689.272	13.316.813.313
Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Kỹ thuật DTL	2.047.725.470	39.980.739.735
Các nhà cung cấp khác	14.904.957.991	64.811.768.440
	474.927.363.937	579.481.217.926

#### 15. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

##### (a) Thuế phải nộp Nhà nước

	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>	<b>Số phát sinh</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số đã nộp/cán trừ</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2018</b> <b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	404.304.963.033	(389.967.559.512)	14.337.403.521
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.119.333.258	165.693.355.785	(19.294.834.885)	165.517.854.158
Thuế tài nguyên	26.740.875.585	67.712.811.465	(83.573.565.585)	10.880.121.465
Thuế nhà đất	-	8.825.108.000	(8.825.108.000)	-
Thuế thu nhập cá nhân	116.110.500	3.497.641.712	(3.561.073.830)	52.678.382
Các loại thuế khác	2.358.266.040	182.081.280	(399.247.320)	2.141.100.000
	48.334.585.383	650.215.961.275	(505.621.389.132)	192.929.157.526

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	1/1/2018 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cần trừ trong kỳ VND	30/6/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	15.461.605.354	298.293.441.866	(313.755.047.220)	-

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí sửa chữa lớn (*)	435.634.881.810	368.268.882.010
Chi phí lãi vay	7.484.404.789	8.370.165.788
Chi phí khác	13.463.029.142	7.050.349.497
	456.582.315.741	383.689.397.295

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, chi phí sửa chữa lớn phải trả phản ánh giá trị các công trình sửa chữa lớn đã thực hiện trong kỳ nhưng chưa quyết toán (Thuyết minh 3(h)).

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.029.131.126	2.768.120.701
Phải trả khác	3.654.556.227	312.660.507
	6.683.687.353	3.080.781.208

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Vay ngắn hạn và dài hạn**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	978.353.567.127	950.123.262.405
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(456.778.567.127)	(443.598.262.405)
	521.575.000.000	506.525.000.000

Biến động trong kỳ của vay dài hạn như sau:

	<b>1/1/2018</b>	<b>Biến động trong kỳ</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>Giá trị ghi sổ và số</b>	<b>Đánh giá</b>	<b>Giá trị ghi sổ và số</b>
	<b>có khả năng trả nợ</b>	<b>chênh lệch tỷ giá</b>	<b>có khả năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	950.123.262.405	28.230.304.722	978.353.567.127

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>Năm</b>	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>tiền</b>	<b>năm</b>	<b>đáo hạn</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khoản vay từ công ty mẹ cấp cao nhất	JPY	2,5%	2028	978.353.567.127	950.123.262.405

Khoản vay dài hạn từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất, được thực hiện theo hợp đồng vay lại số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (“JBIC”) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Lãi suất cho vay là 2,5% một năm và phí vay lại được tính bằng 0,2% một năm trên số dư nợ thực tế. Gốc vay được thanh toán trong vòng 22 năm 6 tháng bắt đầu từ năm 2006. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC và không có tài sản đảm bảo.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	45.158.491.428	70.026.413.434
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 20)	51.714.084.183	33.253.761.150
Sử dụng trong kỳ	(34.584.758.746)	(39.078.366.975)
Số dư cuối kỳ	62.287.816.865	64.201.807.609

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	3.262.350.000.000	-	160.144.544.191	(125.602.728.849)	541.669.911.034	1.534.251.854.156	5.372.813.580.532
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	593.488.101.656	593.488.101.656
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	-	5.440.000.000	-	(5.440.000.000)	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	9.035.721.455	(9.035.721.455)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(33.253.761.150)	(33.253.761.150)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	(381.785.536.800)	(381.785.536.800)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2017</b>	3.262.350.000.000	-	165.584.544.191	(125.602.728.849)	545.265.632.489	1.703.664.936.407	5.551.262.384.238
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	260.510.398.162	260.510.398.162
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	-	5.630.015.738	-	(5.630.015.738)	-	-
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	11.692.500.615	-	38.214.360.130	-	-	49.906.860.745
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	(384.735.664.800)	(384.735.664.800)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	3.262.350.000.000	11.692.500.615	171.214.559.929	(87.388.368.719)	539.635.616.751	1.579.439.669.769	5.476.943.978.345
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	715.350.319.388	715.350.319.388
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	189.837.669.697	(189.837.669.697)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(51.714.084.183)	(51.714.084.183)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	(416.796.970.200)	(416.796.970.200)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>	3.262.350.000.000	11.692.500.615	171.214.559.929	(87.388.368.719)	729.473.286.448	1.636.441.265.077	5.723.783.243.350

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/6/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	3.262.350.000.000	326.235.000	3.262.350.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	5.621.946	87.388.368.719	5.621.946	87.388.368.719
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	320.613.054	3.174.961.631.281	320.613.054	3.174.961.631.281

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2017.

## **22. Cổ tức**

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 12 tháng 5 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 là 802 tỷ VND (tương đương 2.500 VND trên một cổ phiếu), trong đó có 385 tỷ VND đã được tạm ứng cho các cổ đông vào cuối năm 2017 (2017: phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 là 636 tỷ VND, tương đương 2.000 VND trên một cổ phiếu).

## **23. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **24. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

### **Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	13.914.778.000	13.914.778.000
Từ hai đến năm năm	55.659.112.000	55.659.112.000
Sau năm năm	459.187.674.000	468.464.192.667
	<hr/>	<hr/>
	528.761.564.000	538.038.082.667
	<hr/>	<hr/>

## **25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán điện	4.008.062.145.976	3.148.694.890.847
Doanh thu bán xỉ và phế liệu	8.544.992.303	9.185.531.419
	<hr/>	<hr/>
	4.016.607.138.279	3.157.880.422.266
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Giá vốn hàng bán**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	2.909.822.135.221	2.223.470.396.754
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	238.082.434.244	208.264.342.700
Chi phí nhân công	104.164.076.054	107.372.685.623
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.489.700.165	-
Chi phí bảo trì	35.364.177.084	57.372.330.746
Chi phí khấu hao và phân bổ	15.232.001.315	16.283.522.051
Chi phí điện mua ngoài	18.450.627.628	16.424.548.821
Chi phí thuế, phí và lệ phí	74.828.364.012	23.343.552.740
Chi phí khác	5.327.688.088	1.919.150.707
	<b>3.403.761.203.811</b>	<b>2.654.450.530.142</b>

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, cho vay	85.662.155.716	167.868.868.218
Cổ tức được chia	52.391.212.500	38.955.000.000
Lãi từ thanh lý đầu tư tài chính dài hạn	-	32.523.750.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	2.209.523.306
	<b>138.053.368.216</b>	<b>241.557.141.524</b>

**28. Chi phí tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	13.596.021.629	48.601.238.003
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	100.182.147.446
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	28.230.304.722	53.910.579.998
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(204.889.923.160)	(194.265.686.408)
Chi phí tài chính khác	21.565.990	349.335.943
	<b>(163.042.030.819)</b>	<b>8.777.614.982</b>

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	23.376.307.763	22.068.801.944
Chi phí vật tư quản lý	1.617.327.936	1.663.262.530
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.438.086.187	1.796.231.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.414.319.704	2.390.786.366
Chi phí thuế, phí và lệ phí	1.891.636.733	2.954.230.132
Chi phí khác	4.665.663.668	8.624.288.758
	<b>36.403.341.991</b>	<b>39.497.600.978</b>

**30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhiên liệu trong chi phí sản xuất	2.909.822.135.221	2.223.470.396.754
Chi phí nhân công và nhân viên	127.540.383.817	129.441.487.567
Chi phí khấu hao và phân bổ	17.085.541.779	18.575.306.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.846.452.352	76.187.665.933
Chi phí sửa chữa lớn	238.082.434.244	208.264.342.700
Chi phí thuế, phí và lệ phí	76.720.000.745	26.297.782.872
Chi phí khác	12.067.597.644	11.711.148.734

**31. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	165.771.292.535	109.656.681.246
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	(77.936.750)	(78.196.002)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>165.693.355.785</b>	<b>109.578.485.244</b>

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	881.043.675.173	703.066.586.900
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	176.208.735.035	105.459.988.035
Thu nhập không bị tính thuế	(10.478.242.500)	(5.843.250.000)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	-	10.009.059.393
Chi phí không được khấu trừ thuế	40.800.000	30.883.818
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	(77.936.750)	(78.196.002)
	165.693.355.785	109.578.485.244

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm đầu tiên chính thức chuyển sang công ty cổ phần (từ năm 2006 đến năm 2017) và thuế suất thuế thu nhập thông thường trong những năm tiếp theo. Thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho Công ty chưa tính các ưu đãi là 20%.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 5 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2006 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 6 năm tiếp theo (từ năm 2011 đến năm 2016). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	715.350.319.388	593.488.101.656
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	715.350.319.388	593.488.101.656

(\*) Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 30 tháng 6 năm 2017. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và 30 tháng 6 năm 2017 lần lượt là 320.613.054 và 318.154.614 cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND</b>	<b>30/6/2017 VND</b>
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Trả gốc vay	-	2.947.040.461.196
Chi phí lãi vay	13.596.021.629	40.839.594.168
Thu nhập lãi cho vay	53.789.177.777	75.378.958.333
Thu hồi khoản cho vay	17.500.000.000	17.500.000.000
Mua điện	18.415.587.628	21.845.431.203
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên</b>		
Cho vay	-	250.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	415.303.600.712	-
Thu nhập lãi cho vay	13.288.432.478	38.862.727.292
Chia cổ tức	216.309.464.800	199.670.275.200
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
<b>Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Doanh thu bán điện	4.007.508.478.006	3.148.060.397.397
<b>Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng</b>		
Cổ tức được chia	45.447.500.000	38.955.000.000
<b>Công ty Cổ phần Nhiệt điện Buôn Đôn</b>		
Cổ tức được chia	6.273.712.500	-
<b>Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa</b>		
Cổ tức được chia	670.000.000	-
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương và thưởng	984.732.500	707.400.000

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**34. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn  
Kế toán trưởng

